

STT	STT	Tên	Trạng thái đạt	Tiến độ chương trình đào tạo [2025] Bảng điểm B số tự động														Thời gian đạt	Thời gian đã học
				Đạo đức, VHGT, PCCC		Kỹ thuật lái xe		Cấu tạo sửa chữa		Pháp luật GTDB						Mô phỏng			
				Điểm	Trạng thái đạt	Điểm	Trạng thái đạt	Điểm	Trạng thái đạt	PL1 - Luật trật tự, ATGT		PL2 - Biển báo		PL3 - Xử lý THGT		Điểm	Trạng thái đạt		
Điểm	Trạng thái đạt	Điểm	Trạng thái đạt	Điểm	Trạng thái đạt	Điểm	Trạng thái đạt	Điểm	Trạng thái đạt	Điểm	Trạng thái đạt	Điểm	Trạng thái đạt						
1	83	NGUYỄN QUANG HƯNG	Đạt	10	Đạt	10	Đạt	10	Đạt	10	Đạt	10	Đạt	10	Đạt	9.98	Đạt	136:00:49	
2	169	VI THỊ TÂM	Đạt	10	Đạt	10	Đạt	10	Đạt	10	Đạt	9.85	Đạt	10	Đạt	10	Đạt	136:00:35	
3	44	TRẦN TIẾN ĐỘ	Đạt	10	Đạt	10	Đạt	10	Đạt	10	Đạt	10	Đạt	10	Đạt	7.23	Đạt	134:54:58	
4	178	ĐOÀN THỊ THƠM	Đạt	10	Đạt	8.01	Đạt	9.7	Đạt	8.22	Đạt	8.35	Đạt	10	Đạt	10	Đạt	121:59:39	
5	207	NGUYỄN VINH	Đạt	10	Đạt	10	Đạt	10	Đạt	10	Đạt	7.09	Đạt	7.67	Đạt	10	Đạt	118:35:31	
6	173	ĐỖ PHƯƠNG THẢO	Đạt	10	Đạt	9.95	Đạt	10	Đạt	9.2	Đạt	7.79	Đạt	7.18	Đạt	7.2	Đạt	116:54:14	
7	2	LÊ TUỆ TÂM	Đạt	9.39	Đạt	7.35	Đạt	9.64	Đạt	8.91	Đạt	8.87	Đạt	7.66	Đạt	8.15	Đạt	115:42:36	
8	5	ĐÀO THỊ VÂN ANH	Đạt	10	Đạt	10	Đạt	10	Đạt	8.8	Đạt	7.27	Đạt	7.27	Đạt	7.3	Đạt	114:12:10	
9	205	PHẠM THỊ VÂN	Đạt	7.2	Đạt	7.5	Đạt	8.63	Đạt	8.91	Đạt	8.6	Đạt	8.76	Đạt	7.73	Đạt	113:39:10	
10	58	LÊ LY GA	Đạt	8.22	Đạt	8.28	Đạt	8.01	Đạt	8.32	Đạt	8.15	Đạt	8	Đạt	10	Đạt	112:01:36	
11	203	ĐỖ THANH TÙNG	Đạt	9.71	Đạt	10	Đạt	7.9	Đạt	8.92	Đạt	7.13	Đạt	7.12	Đạt	7.8	Đạt	111:40:25	
12	103	HOÀNG TRUNG KIẾN	Đạt	10	Đạt	9.49	Đạt	10	Đạt	8.79	Đạt	7.04	Đạt	7.02	Đạt	7.08	Đạt	111:29:35	
13	118	VŨ THỊ DIỆU LINH	Đạt	10	Đạt	8.21	Đạt	8.75	Đạt	7.53	Đạt	8.26	Đạt	7.39	Đạt	7.08	Đạt	110:38:16	
14	129	NGUYỄN NGỌC MAI	Đạt	10	Đạt	10	Đạt	10	Đạt	7.65	Đạt	7.16	Đạt	7.01	Đạt	7.23	Đạt	110:10:43	
15	114	NGUYỄN THÚY LINH	Đạt	9.14	Đạt	8.09	Đạt	10	Đạt	7.06	Đạt	7.91	Đạt	8.39	Đạt	7.23	Đạt	110:08:47	
16	73	PHẠM THÀNH HIỆP	Đạt	8.76	Đạt	9.3	Đạt	9.51	Đạt	8	Đạt	7.16	Đạt	7.58	Đạt	9.28	Đạt	109:45:54	
17	43	NGUYỄN THỊ DIỆP	Đạt	10	Đạt	8.59	Đạt	9.16	Đạt	8.06	Đạt	7.27	Đạt	7.54	Đạt	7.15	Đạt	109:43:06	
18	140	NGUYỄN THỊ NGÀ	Đạt	10	Đạt	8.66	Đạt	8.45	Đạt	8.42	Đạt	7.1	Đạt	7.42	Đạt	7.7	Đạt	109:09:49	
19	108	NGUYỄN HỒNG LIÊN	Đạt	8.18	Đạt	8.27	Đạt	10	Đạt	7.22	Đạt	7	Đạt	9.2	Đạt	10	Đạt	109:04:12	
20	53	HỒ THỊ BẠCH DƯƠNG	Đạt	10	Đạt	8.46	Đạt	8.86	Đạt	8.08	Đạt	7.42	Đạt	7.25	Đạt	7.5	Đạt	108:59:25	
21	183	NÔNG MINH TIẾN	Đạt	10	Đạt	10	Đạt	10	Đạt	7	Đạt	7	Đạt	7.27	Đạt	7.05	Đạt	108:32:11	
22	66	NGUYỄN THỊ HẰNG	Đạt	10	Đạt	10	Đạt	7.13	Đạt	7.39	Đạt	7.01	Đạt	7.08	Đạt	8.83	Đạt	108:27:23	
23	127	LÊ THỊ PHƯƠNG MAI	Đạt	9.94	Đạt	7.01	Đạt	7.14	Đạt	7.58	Đạt	7.17	Đạt	9.2	Đạt	10	Đạt	108:17:01	
24	93	ĐÀO THỊ THANH HUYỀN	Đạt	10	Đạt	7.17	Đạt	7	Đạt	8.31	Đạt	7.35	Đạt	7.94	Đạt	9.93	Đạt	108:03:48	
25	97	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	Đạt	8.29	Đạt	10	Đạt	7.24	Đạt	8.51	Đạt	7.04	Đạt	7.03	Đạt	7.13	Đạt	107:51:31	
26	57	TẠ THỊ DUYÊN	Đạt	10	Đạt	10	Đạt	7.03	Đạt	7.1	Đạt	7.09	Đạt	7.4	Đạt	8.93	Đạt	107:48:48	
27	201	NGUYỄN THANH TUẤN	Đạt	8.88	Đạt	7.98	Đạt	10	Đạt	8.4	Đạt	7.05	Đạt	7.14	Đạt	8.58	Đạt	106:54:16	
28	152	HOÀNG TRỌNG PHIÊN	Đạt	9.17	Đạt	7.91	Đạt	9.38	Đạt	7.76	Đạt	7.35	Đạt	7.2	Đạt	8.63	Đạt	106:25:55	
29	189	HOÀNG THỊ THU TRANG	Đạt	7.06	Đạt	7.56	Đạt	8.13	Đạt	7.35	Đạt	8	Đạt	7.78	Đạt	10	Đạt	105:52:57	
30	177	VŨ VĂN THỌ	Đạt	7.46	Đạt	7.69	Đạt	8.29	Đạt	7.9	Đạt	7.63	Đạt	7.66	Đạt	7.5	Đạt	105:48:35	
31	99	TÔ QUANG KHÁI	Đạt	8.88	Đạt	9.04	Đạt	7.95	Đạt	7.16	Đạt	7.17	Đạt	7.56	Đạt	8.18	Đạt	105:38:21	
32	63	TRẦN THỊ THU HÀ	Đạt	9.79	Đạt	8.16	Đạt	10	Đạt	7	Đạt	7.17	Đạt	7.2	Đạt	7.53	Đạt	105:14:11	
33	164	NGUYỄN TRÚC QUỲNH	Đạt	7.26	Đạt	7.14	Đạt	10	Đạt	7.05	Đạt	7	Đạt	9.2	Đạt	10	Đạt	105:03:44	
34	37	TÀO NGỌC CƯỜNG	Đạt	7.4	Đạt	9.3	Đạt	7.94	Đạt	8.01	Đạt	7.1	Đạt	7.33	Đạt	7.28	Đạt	104:58:36	
35	11	LUYỄN NGỌC ANH	Đạt	10	Đạt	7.69	Đạt	8.54	Đạt	7.43	Đạt	7.04	Đạt	7.31	Đạt	9.13	Đạt	104:52:59	
36	25	PHÙNG THỊ NGỌC ÁNH	Đạt	10	Đạt	7.84	Đạt	7.69	Đạt	7.13	Đạt	7.22	Đạt	7.25	Đạt	10	Đạt	104:40:20	
37	130	VŨ THỊ MAI	Đạt	7.41	Đạt	7.11	Đạt	7.94	Đạt	7.13	Đạt	7.38	Đạt	7.79	Đạt	8.38	Đạt	104:31:04	
38	10	LÊ TRUNG ANH	Đạt	9.95	Đạt	7.25	Đạt	9.38	Đạt	7.65	Đạt	7.14	Đạt	7.12	Đạt	7.13	Đạt	104:16:59	
39	199	DƯƠNG VĂN TUẤN	Đạt	7.77	Đạt	7.55	Đạt	7.81	Đạt	7.12	Đạt	7.26	Đạt	8.07	Đạt	7.85	Đạt	104:11:40	
40	110	ĐINH NHẬT LINH	Đạt	8.16	Đạt	7.33	Đạt	8.36	Đạt	8.15	Đạt	7.01	Đạt	7.85	Đạt	7.78	Đạt	103:53:34	
41	91	NGUYỄN VĂN HUY	Đạt	7.15	Đạt	9.13	Đạt	7.19	Đạt	7.01	Đạt	7	Đạt	8.17	Đạt	9.3	Đạt	103:42:07	
42	84	NGUYỄN THỊ DIỄM HƯƠNG	Đạt	7.16	Đạt	7.25	Đạt	7.06	Đạt	7.82	Đạt	7.87	Đạt	7.37	Đạt	10	Đạt	103:36:22	
43	106	VÀNG THỊ LÁNH	Đạt	7.88	Đạt	7.46	Đạt	10	Đạt	7.1	Đạt	7.63	Đạt	7.11	Đạt	7.28	Đạt	102:55:36	
44	101	TRẦN QUỐC KHÁNH	Đạt	7.56	Đạt	7.27	Đạt	7.51	Đạt	7.83	Đạt	7.05	Đạt	8.42	Đạt	7.18	Đạt	102:48:57	
45	137	HOÀNG THỊ MY	Đạt	7.84	Đạt	7.42	Đạt	7.94	Đạt	7.82	Đạt	7.32	Đạt	7.44	Đạt	7.88	Đạt	102:45:29	
46	89	LÊ QUANG HUY	Đạt	8.49	Đạt	7.46	Đạt	9.38	Đạt	7.18	Đạt	7.12	Đạt	7.56	Đạt	7.7	Đạt	102:44:48	
47	116	TRẦN ĐỖ BẢO LINH	Đạt	7.86	Đạt	7.49	Đạt	8.79	Đạt	8.24	Đạt	7.12	Đạt	7.12	Đạt	7.05	Đạt	102:44:22	
48	61	PHÙNG DƯƠNG THANH GIANG	Đạt	7.2	Đạt	7	Đạt	8.75	Đạt	7.04	Đạt	7.5	Đạt	8	Đạt	10	Đạt	102:41:23	
49	204	NGUYỄN THỊ TƯƠI	Đạt	10	Đạt	7.02	Đạt	7.11	Đạt	7.54	Đạt	7.03	Đạt	7.59	Đạt	7.05	Đạt	102:32:17	
50	13	NGUYỄN LAN ANH	Đạt	8.68	Đạt	7.82	Đạt	7.08	Đạt	7.31	Đạt	7.11	Đạt	7.15	Đạt	9.53	Đạt	102:25:13	
51	38	NGÔ QUỐC ĐẠT	Đạt	9.54	Đạt	7.25	Đạt	7.45	Đạt	7.83	Đạt	7.13	Đạt	7.03	Đạt	7.1	Đạt	102:19:22	
52	113	NGUYỄN QUANG LINH	Đạt	8.86	Đạt	7.42	Đạt	9.99	Đạt	7.22	Đạt	7.08	Đạt	7.14	Đạt	7.05	Đạt	102:15:43	
53	32	TRẦN MINH CHIẾN	Đạt	8.33	Đạt	7.11	Đạt	8.43	Đạt	7.58	Đạt	7.32	Đạt	7.43	Đạt	7.03	Đạt	102:13:45	
54	161	NGUYỄN XUÂN QUANG	Đạt	7.86	Đạt	7.21	Đạt	8.75	Đạt	7.04	Đạt	7.01	Đạt	7.97	Đạt	10	Đạt	102:00:46	
55	80	DƯƠNG THỊ HUU	Đạt	8.96	Đạt	7.7	Đạt	7.08	Đạt	7.52	Đạt	7.05	Đạt	7.36	Đạt	7	Đạt	101:49:39	
56	36	NGUYỄN MANH CƯỜNG	Đạt	9.11	Đạt	7.89	Đạt	8.48	Đạt	7.01	Đạt	7.07	Đạt	7.05	Đạt	7.63	Đạt	101:47:11	
57	190	LÊ THỊ TRANG	Đạt	10	Đạt	7	Đạt	7.04	Đạt	7.13	Đạt	7.15	Đạt	7.09	Đạt	9.35	Đạt	101:46:45	

**ĐẠT**

STT	STT	Tên	Trạng thái đạt	Tiến độ chương trình đào tạo														Thời gian đã học
				[2025] Bảng điểm B số tự động														
				Đạo đức, VHGT, PCCC		Kỹ thuật lái xe		Cấu tạo sửa chữa		Pháp luật GTDB				Mô phỏng		Thời gian đạt		
				Điểm	Trạng thái đạt	Điểm	Trạng thái đạt	Điểm	Trạng thái đạt	PL1 - Luật trật tự, ATGT		PL2 - Biển báo		PL3 - Xử lý THGT			Điểm	
58	200	HOÀNG VĂN TUẤN	Đạt	9.25	Đạt	7.15	Đạt	9.14	Đạt	7.19	Đạt	7.11	Đạt	7.12	Đạt	7.5	Đạt	101:44:13
59	24	VŨ TUẤN ANH	Đạt	10	Đạt	7.35	Đạt	7.94	Đạt	7.2	Đạt	7.03	Đạt	7.08	Đạt	7.05	Đạt	101:42:28
60	187	ĐẶNG THỊ HUỖN TRANG	Đạt	8.96	Đạt	7.22	Đạt	7.19	Đạt	7.63	Đạt	7	Đạt	7.46	Đạt	7.5	Đạt	101:32:34
61	81	NGÔ XUÂN HÙNG	Đạt	8.51	Đạt	7.47	Đạt	8.75	Đạt	7	Đạt	7.02	Đạt	7.6	Đạt	7.73	Đạt	101:31:43
62	70	MAI THỊ HIỀN	Đạt	7.01	Đạt	7.18	Đạt	7.48	Đạt	7.75	Đạt	7	Đạt	7.53	Đạt	7.25	Đạt	101:24:43
63	35	NGUYỄN THỊ HƯƠNG CÚC	Đạt	7.09	Đạt	7.62	Đạt	8.44	Đạt	8.36	Đạt	7.01	Đạt	7.07	Đạt	7.03	Đạt	101:19:44
64	3	NGUYỄN THỊ THÚY	Đạt	7	Đạt	7.47	Đạt	10	Đạt	7.6	Đạt	7	Đạt	7.31	Đạt	8.3	Đạt	101:19:32
65	166	ĐẶNG ĐÌNH BẢO SƠN	Đạt	8.04	Đạt	7.72	Đạt	8.75	Đạt	7.26	Đạt	7.04	Đạt	7.35	Đạt	7.3	Đạt	101:19:06
66	186	BÙI THỊ HUỖN TRANG	Đạt	9.74	Đạt	7.58	Đạt	7.41	Đạt	7.1	Đạt	7.02	Đạt	7.18	Đạt	7	Đạt	101:18:16
67	143	NGUYỄN TRUNG NGHĨA	Đạt	7.26	Đạt	7.33	Đạt	8.45	Đạt	7.27	Đạt	7.23	Đạt	7.73	Đạt	7.9	Đạt	101:07:29
68	180	HOÀNG QUANG THUẬN	Đạt	8.16	Đạt	7.48	Đạt	8.23	Đạt	7.42	Đạt	7.09	Đạt	7.04	Đạt	7.15	Đạt	100:53:04
69	138	TRẦN HOÀI NAM	Đạt	7.31	Đạt	8.19	Đạt	7.39	Đạt	7.16	Đạt	7	Đạt	7.66	Đạt	7.85	Đạt	100:47:02
70	94	LÃ THỊ HUỖN	Đạt	7.75	Đạt	7.25	Đạt	8.01	Đạt	7.29	Đạt	7.4	Đạt	7.23	Đạt	7.13	Đạt	100:28:45
71	123	MAI VĂN LONG	Đạt	8.16	Đạt	7	Đạt	8.75	Đạt	7.2	Đạt	7.04	Đạt	7.19	Đạt	9.53	Đạt	100:22:39
72	48	CẦN THỊ THÚY DUNG	Đạt	7.88	Đạt	8.41	Đạt	7.13	Đạt	7.12	Đạt	7.11	Đạt	7.09	Đạt	7.15	Đạt	100:22:07
73	64	TRÌNH THÚY HÀ	Đạt	9.16	Đạt	7.49	Đạt	7.11	Đạt	7.26	Đạt	7.06	Đạt	7.02	Đạt	7.15	Đạt	100:19:10
74	208	NGUYỄN ĐẶNG VINH	Đạt	7.09	Đạt	8.14	Đạt	7.25	Đạt	7.8	Đạt	7	Đạt	7.05	Đạt	7.85	Đạt	100:17:02
75	95	LÊ NGỌC HUỖN	Đạt	7.14	Đạt	7.93	Đạt	9.11	Đạt	7.25	Đạt	7.05	Đạt	7.17	Đạt	7.13	Đạt	100:16:14
76	52	TRẦN TRUNG DŨNG	Đạt	7.6	Đạt	7.8	Đạt	7.21	Đạt	7.49	Đạt	7.28	Đạt	7.02	Đạt	7.18	Đạt	100:15:48
77	159	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	Đạt	7.7	Đạt	7.04	Đạt	8.76	Đạt	7.43	Đạt	7.34	Đạt	7.03	Đạt	7.15	Đạt	100:15:44
78	60	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	Đạt	7.94	Đạt	7.51	Đạt	8.75	Đạt	7.36	Đạt	7	Đạt	7.1	Đạt	7.03	Đạt	100:07:23
79	79	TRẦN THỊ NGỌC HỒNG	Đạt	7.26	Đạt	8.88	Đạt	7.03	Đạt	7	Đạt	7.12	Đạt	7.01	Đạt	7.53	Đạt	100:01:47
80	22	TRÌNH TIẾN TUẤN ANH	Đạt	8.16	Đạt	7.47	Đạt	8.75	Đạt	7.12	Đạt	7.02	Đạt	7.02	Đạt	8.03	Đạt	100:01:21
81	62	NGUYỄN THỊ HÀ	Đạt	8.57	Đạt	7.03	Đạt	8.69	Đạt	7.02	Đạt	7.12	Đạt	7.04	Đạt	8.45	Đạt	100:01:03
82	45	NGUYỄN PHƯƠNG ĐÔNG	Đạt	7.4	Đạt	7.33	Đạt	8.75	Đạt	7.14	Đạt	7.3	Đạt	7.2	Đạt	7.33	Đạt	99:57:21
83	17	PHAN THỊ PHƯƠNG ANH	Đạt	7.1	Đạt	7.65	Đạt	8.74	Đạt	7.33	Đạt	7.13	Đạt	7.14	Đạt	7.4	Đạt	99:55:15
84	155	NGUYỄN PHẠM GIA PHÚ	Đạt	7.06	Đạt	7.47	Đạt	7.35	Đạt	8.05	Đạt	7.08	Đạt	7.16	Đạt	7.15	Đạt	99:55:12
85	105	NGUYỄN THỊ LAN	Đạt	7.24	Đạt	7.15	Đạt	7.01	Đạt	8.49	Đạt	7	Đạt	7.08	Đạt	7.15	Đạt	99:51:48
86	20	TRẦN TUẤN ANH	Đạt	7.4	Đạt	7.44	Đạt	9.44	Đạt	7	Đạt	7.2	Đạt	7.18	Đạt	7	Đạt	99:51:28
87	50	PHÍ THỊ DUNG	Đạt	7.37	Đạt	7.6	Đạt	7.94	Đạt	7.43	Đạt	7.07	Đạt	7.25	Đạt	7.55	Đạt	99:49:26
88	30	HỒ THỊ MINH CHÂU	Đạt	8.08	Đạt	7.04	Đạt	8.04	Đạt	7.01	Đạt	7.29	Đạt	7.28	Đạt	7.85	Đạt	99:48:20
89	34	HÀ THỊ CÚC	Đạt	7.04	Đạt	7.04	Đạt	7.85	Đạt	8.29	Đạt	7.03	Đạt	7.13	Đạt	7.35	Đạt	99:47:02
90	31	LƯU PHƯƠNG CHI	Đạt	7.12	Đạt	7.02	Đạt	7.06	Đạt	8.11	Đạt	7.01	Đạt	7.11	Đạt	8.55	Đạt	99:43:48
91	12	NGÔ THỊ PHƯƠNG ANH	Đạt	7.61	Đạt	7.2	Đạt	8.75	Đạt	7.41	Đạt	7.01	Đạt	7.2	Đạt	7.7	Đạt	99:40:40
92	107	CHU VIỆT LỊCH	Đạt	9.2	Đạt	7.08	Đạt	7.33	Đạt	7.24	Đạt	7.01	Đạt	7.03	Đạt	7.65	Đạt	99:40:28
93	168	NGUYỄN THÁI SƠN	Đạt	9.61	Đạt	7.02	Đạt	7.1	Đạt	7.1	Đạt	7.06	Đạt	7.02	Đạt	7.25	Đạt	99:38:36
94	109	ĐÀU THỊ KHÁNH LINH	Đạt	7.59	Đạt	7.54	Đạt	7.78	Đạt	7.37	Đạt	7.02	Đạt	7.22	Đạt	7.45	Đạt	99:30:30
95	124	NGUYỄN HAI LONG	Đạt	7.19	Đạt	7	Đạt	7.5	Đạt	8.16	Đạt	7.07	Đạt	7.04	Đạt	7.88	Đạt	99:30:17
96	121	BÙI VĂN LONG	Đạt	9	Đạt	7.01	Đạt	7.53	Đạt	7.26	Đạt	7.04	Đạt	7.1	Đạt	7.03	Đạt	99:29:47
97	87	VŨ THU HƯƠNG	Đạt	8.16	Đạt	7.01	Đạt	7.91	Đạt	7.27	Đạt	7.15	Đạt	7	Đạt	8.55	Đạt	99:28:48
98	149	ĐỖ THẢO NGUYỄN	Đạt	7.4	Đạt	7.01	Đạt	10	Đạt	7.38	Đạt	7	Đạt	7.12	Đạt	7.13	Đạt	99:28:46
99	82	NGUYỄN MẠNH HÙNG	Đạt	7.86	Đạt	7.63	Đạt	8.46	Đạt	7	Đạt	7.02	Đạt	7.1	Đạt	7.55	Đạt	99:22:48
100	100	NGUYỄN DUY KHÁNH	Đạt	7.42	Đạt	7.24	Đạt	7.01	Đạt	7.47	Đạt	7	Đạt	7.6	Đạt	7.85	Đạt	99:22:36
101	139	CAO THỊ THANH NGA	Đạt	7.41	Đạt	7.05	Đạt	7.16	Đạt	7.43	Đạt	7.27	Đạt	7.4	Đạt	7.28	Đạt	99:17:15
102	175	VŨ THỊ THU THẢO	Đạt	7.06	Đạt	7.42	Đạt	7.61	Đạt	7.64	Đạt	7.07	Đạt	7.27	Đạt	7.08	Đạt	99:12:39
103	170	PHAN THỊ THẨM	Đạt	7.47	Đạt	7.26	Đạt	7.21	Đạt	7.3	Đạt	7.18	Đạt	7.38	Đạt	7.55	Đạt	99:12:36
104	171	LÊ VĂN THÀNH	Đạt	7.44	Đạt	7.17	Đạt	7.51	Đạt	7.07	Đạt	7.12	Đạt	7.54	Đạt	8.6	Đạt	99:11:31
105	192	NGUYỄN XUÂN MINH TRÍ	Đạt	8.04	Đạt	7.32	Đạt	7.93	Đạt	7.23	Đạt	7.04	Đạt	7.1	Đạt	7.35	Đạt	99:10:05
106	179	NGUYỄN THỊ THU	Đạt	7.02	Đạt	7.08	Đạt	8.55	Đạt	7.76	Đạt	7.1	Đạt	7.05	Đạt	7.1	Đạt	99:05:29
107	74	HỒ THANH HOA	Đạt	7.85	Đạt	7.23	Đạt	7.16	Đạt	7.65	Đạt	7	Đạt	7.18	Đạt	7.05	Đạt	99:04:21
108	21	TRÌNH LAN ANH	Đạt	7.86	Đạt	7.41	Đạt	7.9	Đạt	7.35	Đạt	7.05	Đạt	7.02	Đạt	7	Đạt	99:04:15
109	96	LÊ THỊ HUỖN	Đạt	8.49	Đạt	7.45	Đạt	7.95	Đạt	7	Đạt	7	Đạt	7.02	Đạt	7.03	Đạt	99:02:13
110	128	NGUYỄN NGỌC MAI	Đạt	7.74	Đạt	7.13	Đạt	7.14	Đạt	7.11	Đạt	7.23	Đạt	7.21	Đạt	8.5	Đạt	98:57:09
111	98	NGUYỄN THỊ THẢO HUỖN	Đạt	8.33	Đạt	7.01	Đạt	7.01	Đạt	7	Đạt	7	Đạt	7.21	Đạt	10	Đạt	98:49:59
112	41	NGUYỄN ĐÌNH DIỄN	Đạt	7.03	Đạt	7.01	Đạt	7.01	Đạt	7.91	Đạt	7	Đạt	7	Đạt	10	Đạt	98:44:52
113	88	HỒ QUANG HUY	Đạt	7.19	Đạt	7.65	Đạt	7.2	Đạt	7.07	Đạt	7.01	Đạt	7.6	Đạt	7.18	Đạt	98:43:50
114	67	HOÀNG TRẦN THÚY HẠNH	Đạt	7.27	Đạt	7.61	Đạt	7.03	Đạt	7.37	Đạt	7.19	Đạt	7.09	Đạt	7.05	Đạt	98:43:25
115	8	LÊ HUY HOÀNG ANH	Đạt	9.16	Đạt	7.01	Đạt	7.21	Đạt	7.06	Đạt	7	Đạt	7.01	Đạt	7.13	Đạt	98:39:45

**ĐẠT**

STT	STT	Tên	Trạng thái đạt	Tiến độ chương trình đào tạo													Thời gian đã học	
				[2025] Bảng điểm B số tự động														
				Đạo đức, VHGT, PCCC		Kỹ thuật lái xe		Cấu tạo sửa chữa		Pháp luật GTDB				Mô phỏng		Thời gian đạt		
Điểm	Trạng thái đạt	Điểm	Trạng thái đạt	Điểm	Trạng thái đạt	PL1 - Luật trật tự, ATGT		PL2 - Biển báo		PL3 - Xử lý THGT		Điểm	Trạng thái đạt					
						Điểm	Trạng thái	Điểm	Trạng thái	Điểm	Trạng thái	Điểm	Trạng thái					
116	29	CHU THỊ HỒNG BÍCH	Đạt	7.22	Đạt	7.23	Đạt	7.94	Đạt	7.28	Đạt	7.07	Đạt	7.22	Đạt	8.03	Đạt	98:37:38
117	4	AN TRẦN VIỆT ANH	Đạt	7.64	Đạt	7.24	Đạt	8.64	Đạt	7.02	Đạt	7.08	Đạt	7.12	Đạt	7.08	Đạt	98:35:43
118	54	MAI TÙNG DƯƠNG	Đạt	7.01	Đạt	7.03	Đạt	7.01	Đạt	7.86	Đạt	7.14	Đạt	7.14	Đạt	7.53	Đạt	98:33:03
119	77	NGÔ VIỆT HOÀN	Đạt	7.01	Đạt	8.34	Đạt	7.03	Đạt	7.01	Đạt	7.07	Đạt	7.02	Đạt	7.5	Đạt	98:30:00
120	76	HÀ THỊ HẢI HOÀN	Đạt	7.92	Đạt	7.32	Đạt	7.73	Đạt	7.14	Đạt	7.03	Đạt	7.02	Đạt	7.63	Đạt	98:27:25
121	172	NGUYỄN HUY TẤN THÀNH	Đạt	7.86	Đạt	7.23	Đạt	8.1	Đạt	7.1	Đạt	7.04	Đạt	7.08	Đạt	7.2	Đạt	98:26:21
122	163	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	Đạt	7	Đạt	7.1	Đạt	7.71	Đạt	7.53	Đạt	7	Đạt	7.02	Đạt	7.13	Đạt	98:21:44
123	162	NGUYỄN MANH QUỲNH	Đạt	7.01	Đạt	7	Đạt	10	Đạt	7	Đạt	7.08	Đạt	7.1	Đạt	7.33	Đạt	98:19:26
124	145	LƯƠNG TIẾN NGỌC	Đạt	8.34	Đạt	7.2	Đạt	7.03	Đạt	7.04	Đạt	7.03	Đạt	7.06	Đạt	7.28	Đạt	98:13:01
125	49	NGUYỄN THỊ DUNG	Đạt	7.05	Đạt	7.01	Đạt	7.23	Đạt	7.41	Đạt	7.11	Đạt	7.02	Đạt	10	Đạt	98:08:41
126	102	NGUYỄN VĂN KHOÁT	Đạt	7.09	Đạt	7.35	Đạt	7.31	Đạt	7.16	Đạt	7.07	Đạt	7.4	Đạt	7.23	Đạt	98:03:20
127	59	LÊ NGUYỄN HƯƠNG GIANG	Đạt	7.06	Đạt	7.06	Đạt	7.33	Đạt	7	Đạt	7.36	Đạt	7.36	Đạt	7.1	Đạt	98:01:56
128	86	VŨ THỊ MAI HƯƠNG	Đạt	7.3	Đạt	7.09	Đạt	7.04	Đạt	7.54	Đạt	7.07	Đạt	7.05	Đạt	7.13	Đạt	97:59:55
129	39	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	Đạt	7.04	Đạt	7.01	Đạt	8.19	Đạt	7.03	Đạt	7.18	Đạt	7.12	Đạt	8.65	Đạt	97:57:48
130	176	NGUYỄN BÁ THIẾT	Đạt	7.26	Đạt	7.02	Đạt	7.61	Đạt	7.06	Đạt	7.39	Đạt	7.02	Đạt	7.18	Đạt	97:57:04
131	147	NGUYỄN THỊ NGỌC	Đạt	7.79	Đạt	7.03	Đạt	7.05	Đạt	7.03	Đạt	7.01	Đạt	7.08	Đạt	9.13	Đạt	97:55:14
132	119	ĐINH THỊ NHƯ LOAN	Đạt	7.86	Đạt	7.07	Đạt	7.59	Đạt	7.02	Đạt	7.14	Đạt	7.02	Đạt	7.53	Đạt	97:51:43
133	198	VŨ CẨM TÚ	Đạt	7.06	Đạt	7.25	Đạt	7.21	Đạt	7.07	Đạt	7.07	Đạt	7.32	Đạt	8.55	Đạt	97:49:12
134	126	NGUYỄN THỊ LÝ	Đạt	7.02	Đạt	7.1	Đạt	8.33	Đạt	7.09	Đạt	7.03	Đạt	7.22	Đạt	8.08	Đạt	97:47:22
135	194	DŨ QUANG TRUNG	Đạt	7.86	Đạt	7.01	Đạt	7.85	Đạt	7.01	Đạt	7.08	Đạt	7.12	Đạt	7	Đạt	97:43:59
136	120	CHU TIẾN LỢI	Đạt	7.06	Đạt	7	Đạt	7.53	Đạt	7.51	Đạt	7.05	Đạt	7.12	Đạt	7.65	Đạt	97:43:32
137	19	TRẦN THẾ ANH	Đạt	7.96	Đạt	7.08	Đạt	7.78	Đạt	7.1	Đạt	7.01	Đạt	7.01	Đạt	7.1	Đạt	97:42:50
138	75	NGUYỄN THẾ HOA	Đạt	7.36	Đạt	7.22	Đạt	7.34	Đạt	7.35	Đạt	7	Đạt	7.01	Đạt	7.53	Đạt	97:41:04
139	154	TRẦN VĂN PHỒNG	Đạt	7.09	Đạt	7.02	Đạt	7.14	Đạt	7.78	Đạt	7.01	Đạt	7.06	Đạt	7.08	Đạt	97:39:13
140	92	TRẦN ĐỨC HUY	Đạt	7.84	Đạt	7.29	Đạt	7.01	Đạt	7.03	Đạt	7.11	Đạt	7.04	Đạt	7.05	Đạt	97:38:35
141	9	LÊ THỦY ANH	Đạt	7.18	Đạt	7	Đạt	7.86	Đạt	7.01	Đạt	7	Đạt	7.04	Đạt	10	Đạt	97:28:09
142	148	ĐÀO HỮU NGUYỄN	Đạt	7.04	Đạt	7.08	Đạt	7.21	Đạt	7.43	Đạt	7.05	Đạt	7.03	Đạt	8	Đạt	97:27:29
143	181	HOÀNG TRÍ THỨC	Đạt	7.07	Đạt	7.1	Đạt	7.04	Đạt	7	Đạt	7.01	Đạt	7.31	Đạt	7.3	Đạt	97:21:27
144	153	NHỮ NAM PHONG	Đạt	7.28	Đạt	7.09	Đạt	7.53	Đạt	7.34	Đạt	7	Đạt	7.02	Đạt	7.58	Đạt	97:20:30
145	193	TRẦN ĐỨC TRÍ	Đạt	7.12	Đạt	7.31	Đạt	7.94	Đạt	7.02	Đạt	7	Đạt	7.1	Đạt	7.75	Đạt	97:19:44
146	55	PHẠM THÁI DƯƠNG	Đạt	7.3	Đạt	7.17	Đạt	7.54	Đạt	7.29	Đạt	7.04	Đạt	7.01	Đạt	7.05	Đạt	97:18:20
147	191	NGÔ HUỲNH TRANG	Đạt	7.86	Đạt	7.19	Đạt	7.08	Đạt	7.01	Đạt	7.07	Đạt	7.05	Đạt	7.08	Đạt	97:18:05
148	157	NGUYỄN THIÊN PHÚC	Đạt	7.08	Đạt	7.05	Đạt	7.21	Đạt	7.22	Đạt	7.08	Đạt	7.29	Đạt	7.08	Đạt	97:13:48
149	6	ĐỖ PHƯƠNG ANH	Đạt	7.01	Đạt	7	Đạt	7.03	Đạt	7.04	Đạt	7.26	Đạt	7.18	Đạt	7.85	Đạt	97:10:55
150	141	PHẠM THỊ NGÀ	Đạt	7.04	Đạt	7.15	Đạt	7.34	Đạt	7.04	Đạt	7.03	Đạt	7.22	Đạt	7.43	Đạt	97:02:38
151	85	NGUYỄN VŨ THU HƯƠNG	Đạt	7.41	Đạt	7.33	Đạt	7.28	Đạt	7.07	Đạt	7	Đạt	7.04	Đạt	7.25	Đạt	97:01:44
152	72	NGÔ XUÂN HIỆP	Đạt	7.02	Đạt	7.24	Đạt	7.05	Đạt	7.03	Đạt	7	Đạt	7	Đạt	10	Đạt	97:01:33
153	122	HOÀNG ĐỨC LONG	Đạt	8.09	Đạt	7	Đạt	7.21	Đạt	7.01	Đạt	7	Đạt	7.01	Đạt	7.08	Đạt	96:58:45
154	156	NGUYỄN CÔNG PHÚC	Đạt	7.96	Đạt	7	Đạt	7.03	Đạt	7.08	Đạt	7	Đạt	7	Đạt	7.1	Đạt	96:54:04
155	133	ĐINH QUANG MINH	Đạt	7.04	Đạt	7.02	Đạt	7.55	Đạt	7.01	Đạt	7	Đạt	7.21	Đạt	8.55	Đạt	96:53:43
156	131	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	Đạt	7.01	Đạt	7	Đạt	7.24	Đạt	7	Đạt	7.01	Đạt	7.54	Đạt	7.05	Đạt	96:47:49
157	160	NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG	Đạt	7.04	Đạt	7	Đạt	7.06	Đạt	7.4	Đạt	7.01	Đạt	7.13	Đạt	7.05	Đạt	96:40:18
158	185	PHÙNG TRẦN THANH TRÀ	Đạt	7.03	Đạt	7.01	Đạt	7	Đạt	7.05	Đạt	7.02	Đạt	7.36	Đạt	7.4	Đạt	96:31:44
159	68	PHẠM THỊ HẢO	Đạt	7.09	Đạt	7.06	Đạt	7.23	Đạt	7.08	Đạt	7.02	Đạt	7.2	Đạt	7.23	Đạt	96:30:05
160	134	NGUYỄN ĐÌNH MINH	Đạt	7.02	Đạt	7.01	Đạt	7.01	Đạt	7.34	Đạt	7.01	Đạt	7.09	Đạt	7.03	Đạt	96:22:48
161	28	PHẠM GIA BẢO	Đạt	7.02	Đạt	7.44	Đạt	7.14	Đạt	7.01	Đạt	7	Đạt	7.01	Đạt	7.25	Đạt	96:21:32
162	90	LÊ QUANG HUY	Đạt	7.22	Đạt	7.01	Đạt	7.08	Đạt	7.01	Đạt	7	Đạt	7.22	Đạt	7.48	Đạt	96:20:38
163	142	NGUYỄN KIM NGÂN	Đạt	7.04	Đạt	7.03	Đạt	7.43	Đạt	7.01	Đạt	7.12	Đạt	7.02	Đạt	7.25	Đạt	96:16:43
164	42	BÙI ĐỨC DIỆP	Đạt	7.02	Đạt	7.02	Đạt	7.49	Đạt	7.04	Đạt	7	Đạt	7.1	Đạt	7.63	Đạt	96:16:40
165	158	NGUYỄN TIẾN PHÚC	Đạt	7.06	Đạt	7.07	Đạt	7.13	Đạt	7.05	Đạt	7	Đạt	7.05	Đạt	7.98	Đạt	96:08:51
166	16	PHẠM NGỌC ANH	Đạt	7.08	Đạt	7.01	Đạt	7.04	Đạt	7	Đạt	7	Đạt	7	Đạt	8.88	Đạt	96:05:42
167	111	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG LINH	Đạt	7	Đạt	7	Đạt	7.49	Đạt	7.07	Đạt	7.01	Đạt	7.01	Đạt	7.35	Đạt	96:02:04
168	46	NGUYỄN TIẾN ĐỨC	Đạt	7.15	Đạt	7.01	Đạt	7.01	Đạt	7.02	Đạt	7.05	Đạt	7.01	Đạt	7.15	Đạt	95:46:44
169	144	NGUYỄN TUẤN NGHĨA	Đạt	7	Đạt	7.12	Đạt	7	Đạt	7.02	Đạt	7	Đạt	7.03	Đạt	7.48	Đạt	95:45:31
170	51	TÀ QUANG DŨNG	Đạt	7.01	Đạt	7.02	Đạt	7.01	Đạt	7.02	Đạt	7.02	Đạt	7.03	Đạt	7.75	Đạt	95:44:46
171	207	PHÙNG LÊ MINH TUẤN	Đạt	7.1	Đạt	7.02	Đạt	7.18	Đạt	7	Đạt	7.01	Đạt	7.03	Đạt	7	Đạt	95:37:53
172	27	NGUYỄN GIA BẢO	Chưa đạt	8.44	Đạt	7.89	Đạt	9.84	Đạt	8.15	Đạt	7.34	Đạt	6.34	Chưa đạt	8.68	Đạt	105:58:03
173	206	NGUYỄN THỊ VI	Chưa đạt	7.26	Đạt	7.94	Đạt	7.83	Đạt	9.07	Đạt	7.3	Đạt	7.26	Đạt	5.15	Chưa đạt	104:32:03

**ĐẠT**

STT	STT	Tên	Trạng thái đạt	Tiến độ chương trình đào tạo [2025] Bảng điểm B số tự động														Thời gian đã học	
				Đạo đức, VHGT, PCCC		Kỹ thuật lái xe		Cấu tạo sửa chữa		Pháp luật GTDB						Mô phỏng			Thời gian đạt
				Điểm	Trạng thái đạt	Điểm	Trạng thái đạt	Điểm	Trạng thái đạt	PL1 - Luật trật tự, ATGT		PL2 - Biển báo		PL3 - Xử lý THGT		Điểm	Trạng thái đạt		
										Điểm	Trạng thái	Điểm	Trạng thái	Điểm	Trạng thái				
174	125	NGUYỄN THÁI LY	Chưa đạt	8.06	Đạt	7.5	Đạt	9.6	Đạt	9	Đạt	7.22	Đạt	7.13	Đạt	2.95	Chưa đạt	104:20:45	
175	182	NGUYỄN THU THỦY	Chưa đạt	10	Đạt	9.65	Đạt	8.26	Đạt	7.08	Đạt	7.03	Đạt	5.72	Chưa đạt	7.9	Đạt	103:11:33	
176	71	NGUYỄN THU HIỀN	Chưa đạt	8.87	Đạt	7.48	Đạt	9.95	Đạt	8.4	Đạt	7.14	Đạt	5.99	Chưa đạt	7.5	Đạt	102:53:32	
177	150	NGUYỄN HẠNH NGUYỄN	Chưa đạt	8.88	Đạt	7.53	Đạt	8.75	Đạt	8.09	Đạt	7	Đạt	6.47	Chưa đạt	7.23	Đạt	101:47:58	
178	184	PHẠM XUÂN TIẾN	Chưa đạt	8.18	Đạt	8	Đạt	7.03	Đạt	7.07	Đạt	7.37	Đạt	6.86	Chưa đạt	7.03	Đạt	100:10:38	
179	167	HỒ ANH SƠN	Chưa đạt	7.26	Đạt	7.44	Đạt	9.13	Đạt	8.06	Đạt	7.1	Đạt	7.04	Đạt	3.18	Chưa đạt	99:45:09	
180	112	NGUYỄN KHÁNH LINH	Chưa đạt	8.57	Đạt	7	Đạt	7.95	Đạt	7.22	Đạt	7.25	Đạt	3.08	Chưa đạt	7.08	Đạt	99:14:42	
181	7	LÃ THỊ HUYỀN ANH	Chưa đạt	7.9	Đạt	7.98	Đạt	7.7	Đạt	8.62	Đạt	7.1	Đạt	5.22	Chưa đạt	7.6	Đạt	99:14:09	
182	33	VŨ HẢI CHIỂU	Chưa đạt	10	Đạt	8.12	Đạt	9.38	Đạt	7	Đạt	7.02	Đạt	4.42	Chưa đạt	9.95	Đạt	99:12:50	
183	40	NGUYỄN VĂN ĐẠT	Chưa đạt	8.89	Đạt	7.05	Đạt	7.5	Đạt	7.06	Đạt	7.15	Đạt	7.28	Đạt	5.13	Chưa đạt	99:11:59	
184	165	NGUYỄN THỊ SINH	Chưa đạt	10	Đạt	9.78	Đạt	9.13	Đạt	7.35	Đạt	7.38	Đạt	2.64	Chưa đạt	6.6	Chưa đạt	98:51:05	
185	23	VŨ THỊ HỒNG ANH	Chưa đạt	8.81	Đạt	7.15	Đạt	8	Đạt	7.15	Đạt	7.06	Đạt	7.03	Đạt	5.28	Chưa đạt	98:48:54	
186	104	NGUYỄN NGỌC LAM	Chưa đạt	7.2	Đạt	7.57	Đạt	7.65	Đạt	7.82	Đạt	7.01	Đạt	6.72	Chưa đạt	7.03	Đạt	98:43:56	
187	69	PHẠM THỊ HIỀN	Chưa đạt	8.36	Đạt	7.51	Đạt	9.18	Đạt	7.03	Đạt	7.02	Đạt	6.54	Chưa đạt	0	Chưa đạt	97:13:22	
188	195	PHẠM QUANG TRUNG	Chưa đạt	7.03	Đạt	7.39	Đạt	7.78	Đạt	7.21	Đạt	4.58	Chưa đạt	7.61	Đạt	8	Đạt	97:01:10	
189	174	NGÔ PHƯƠNG THẢO	Chưa đạt	8.16	Đạt	7.47	Đạt	8.75	Đạt	7.2	Đạt	7.43	Đạt	4.99	Chưa đạt	7.05	Đạt	96:24:11	
190	1	TRẦN MINH ĐỨC	Chưa đạt	7.86	Đạt	7	Đạt	7.5	Đạt	7.6	Đạt	7	Đạt	7.2	Đạt	0	Chưa đạt	96:00:46	
191	197	NHỮ MINH TỬ	Chưa đạt	8.99	Đạt	7.54	Đạt	7.68	Đạt	7.16	Đạt	7.01	Đạt	5.9	Chưa đạt	2.33	Chưa đạt	95:27:08	
192	26	BÙI HOÀNG THIÊN BẢO	Chưa đạt	7.86	Đạt	7.31	Đạt	3.21	Chưa đạt	7.01	Đạt	7	Đạt	7.02	Đạt	7.03	Đạt	95:01:08	
193	56	VŨ CÔNG DUY	Chưa đạt	7.01	Đạt	7	Đạt	7	Đạt	7.24	Đạt	7.01	Đạt	7	Đạt	4.88	Chưa đạt	94:58:55	
194	18	TÔ BẢO ANH	Chưa đạt	7.31	Đạt	7.16	Đạt	8	Đạt	7.14	Đạt	7.05	Đạt	5.16	Chưa đạt	8.55	Đạt	94:45:22	
195	196	TRẦN THÀNH TRUNG	Chưa đạt	8.05	Đạt	7.26	Đạt	7.39	Đạt	7.96	Đạt	7.07	Đạt	4.14	Chưa đạt	7.68	Đạt	93:18:57	
196	115	PHẠM TRẦN KHÁNH LINH	Chưa đạt	7.17	Đạt	7.01	Đạt	7.21	Đạt	7.01	Đạt	7.06	Đạt	7.01	Đạt	0	Chưa đạt	93:05:36	
197	65	TRẦN TRUNG HẢI	Chưa đạt	7.86	Đạt	8.61	Đạt	7.89	Đạt	7.05	Đạt	7.09	Đạt	3.59	Chưa đạt	7.15	Đạt	92:21:09	
198	15	PHẠM DIỆP ANH	Chưa đạt	8.3	Đạt	7.23	Đạt	7.34	Đạt	7.42	Đạt	7.17	Đạt	3.66	Chưa đạt	9.05	Đạt	92:19:00	
199	188	HỒ THỊ HUYỀN TRANG	Chưa đạt	8.25	Đạt	7.1	Đạt	7.15	Đạt	7.46	Đạt	7.01	Đạt	4.41	Chưa đạt	7.1	Đạt	92:00:45	
200	117	TRẦN KHÁNH LINH	Chưa đạt	8.9	Đạt	7.52	Đạt	10	Đạt	7.08	Đạt	7.05	Đạt	2.8	Chưa đạt	7	Đạt	91:12:40	
201	47	TRINH HOÀI ĐỨC	Chưa đạt	8.3	Đạt	7.17	Đạt	9.45	Đạt	7.08	Đạt	7.01	Đạt	3.39	Chưa đạt	7.23	Đạt	90:37:36	
202	135	NGUYỄN NGỌC MINH	Chưa đạt	9.34	Đạt	7.05	Đạt	8.75	Đạt	7.1	Đạt	7	Đạt	3.79	Chưa đạt	0	Chưa đạt	89:25:44	
203	151	NGUYỄN PHẠM THỤC NHI	Chưa đạt	7.36	Đạt	7.3	Đạt	7.29	Đạt	7.2	Đạt	7.06	Đạt	2.78	Chưa đạt	7.03	Đạt	86:44:52	
204	146	NGUYỄN BÍCH NGỌC	Chưa đạt	7.16	Đạt	7.02	Đạt	7.31	Đạt	7.5	Đạt	7.01	Đạt	2.57	Chưa đạt	0	Chưa đạt	83:34:30	
205	14	NGUYỄN PHI ANH	Chưa đạt	7.04	Đạt	7.01	Đạt	7.29	Đạt	7.42	Đạt	7.01	Đạt	1.26	Chưa đạt	7.25	Đạt	82:22:13	
206	136	NGUYỄN VIỆT NHẬT MINH	Chưa đạt	7	Đạt	7.56	Đạt	7.31	Đạt	7.11	Đạt	7	Đạt	1.02	Chưa đạt	7.05	Đạt	81:55:09	
207	132	ĐÀO CÔNG MINH	Chưa đạt	7.31	Đạt	7.02	Đạt	2.06	Chưa đạt	6.68	Chưa đạt	7.04	Đạt	2.58	Chưa đạt	10	Đạt	81:14:03	
208	78	NGUYỄN VĂN NGỌC HOÀNG	Chưa đạt	9.18	Đạt	7.5	Đạt	7.5	Đạt	7.02	Đạt	0.75	Chưa đạt	0.8	Chưa đạt	0	Chưa đạt	56:25:26	

TRƯỢT

Thời điểm tạo: 09:35:12 21-04-2026  
 Người tạo báo cáo: admin (#30177595)